TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2021
V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng Đ**, sinh năm: **1986**

Cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm: **1985**

Cùng cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, An Giang.

(Bà Đ đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Trần Thị Hồng Đ trình bày: Bà và ông T là do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức

lễ cưới vào năm 2007 nhưng từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khi năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra tranh cãi đến và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, có quay về chung sống cũng không có hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 21/8/2008, hiện do bà và gia đình cùng chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Huỳnh Minh T theo quy định nhưng ông T không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn T – phó trưởng ấp V, xã V ngày 04/01/2021 cho biết: Ông Huỳnh Minh T hiện cư trú tại ấp V, xã V, hiện nay đang làm ăn và sinh sống tại địa phương.

Tại biên bản xác minh bà Phú Thị M – mẹ ruột của bà Đ 17/12/2020 cho biết: Hôn nhân của bà Đ và ông T như lời bà Đ đã trình bày. Nguyên nhân bà Đ không tiếp tục chung sống với ông T là do ông T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần khuyên ngăn không được nên bà Đ bỏ về nhà bà sống và ly thân ông T từ năm 2012 cho đến nay.

Tại biên bản ghi nhận lời khai cháu Trần Văn P ngày 21/08/2008 cho biết cháu không muốn cha mẹ ly hôn, nếu Tòa án giải quyết ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Đ và không có yêu cầu gì với ông T.

Tại phiên tòa, bà Đ và ông T vắng mặt. Bà Đ có đơn xiin xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào

thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đ chung sống với ông T đến năm 2012 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Ông T hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông T do mai mối, chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình *"Không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Đ và ông T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn P ngày 21/8/2008, hiện do bà Đ chăm sóc, bà Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu P.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu Pg đều do bà Đ nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Đ. Do đó, việc tiếp tục giao cháu P cho bà Đ nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Hồng Đ và ông Huỳnh Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được tiếp tục nuôi cháu Trần Văn P, sinh ngày 21/8/2008. Công nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004945 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà Đ đã nộp đủ). Ông T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đ, ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

Mai Việt Quốc